

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2021

V/v: tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lục Thị Xinh.

2. Ông Nông Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 08 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1980. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1973. Vắng mặt không có lý do.

Đều trú tại: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Hoàng Thị B trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Nông Văn T có được tình cảm và đi đến chung sống nam, nữ với nhau như vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, được hai bên gia đình và hàng xóm, cộng đồng thừa nhận là vợ chồng, nhưng chị B và anh T không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình và pháp luật về hộ tịch. Sau khi cưới vợ chồng chung sống

cùng nhà với ông Nông Văn Th là (chú ruột của anh T) tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Từ giữa năm 2019 đến nay tình cảm vợ chồng đã xảy nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, anh T hay đánh chị B bằng tay, chân nhưng không nghiêm trọng đến mức đi nhập viện dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng rạn nứt. Ngoài ra anh T còn hay ghen tuông vô cớ. Từ tháng 05 năm 2019 đến nay chị B và anh T đã chính thức sống ly thân, không còn quan tâm tình cảm và không liên lạc hoặc gặp nhau lần nào. Chị B đề nghị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị B và anh Nông Văn T sinh được hai người con chung là Nông Văn Th1, sinh ngày 19/7/1999 và Nông Thị Th2, sinh ngày 26/9/2002.

Các con hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành. Đối với con chung Nông Văn Th1 hiện đang đi Công an nghĩa vụ (chưa lập gia đình), và con chung Nông Thị Th2 đã kết hôn xây dựng gia đình sinh sống ở xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Về tài sản chung: Chị B xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nông Văn T trong biên bản ghi lời khai, trong quá trình tố tụng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn T thừa nhận có được tìm hiểu tình cảm với chị Hoàng Thị B là hoàn toàn tự nguyện rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 1997. Nhưng anh T khẳng định giữa anh và chị B không đi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống cùng nhà với ông Nông Văn Th là (chú ruột của anh T) tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, chị B đi sống cùng với người đàn ông khác. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 và từ đó đến nay chưa từng gọi điện liên lạc hay gặp nhau lần nào, không còn quan tâm tình cảm với nhau. Nay chị B xin ly hôn, anh T đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Nông Văn T thống nhất như lời trình bày của chị Hoàng Thị B có hai người con chung là Nông Văn Th1, sinh ngày 19/7/1999 và Nông Thị Th2, sinh ngày 26/9/2002 các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh Nông Văn T nhất trí với lời trình bày của chị Hoàng Thị B là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nông Văn T nhất trí với lời trình của chị Hoàng Thị B là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/7/2021 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải thấy: Về quan hệ hôn nhân chị Hoàng Thị B và anh Nông Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 cho đến năm 2019 và từ năm 2019 đến nay vợ chồng chính thức sống ly thân. nhưng do chị B và anh T không có đăng ký kết hôn, nên đề nghị Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Về con chung đều đã trưởng thành, về tài sản chung, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/7/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn về tình trạng hôn nhân của chị B và anh T. Kết quả xác minh xác định giữa chị B và anh T có mâu thuẫn gia đình và hiện nay chị B và anh T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tranh chấp ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán – Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng từ khi thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ cho đến thời điểm trước khi nghị đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thấy nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ theo khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/QH10. Tuyên bố không công nhận chị Hoàng Thị B và anh Nông Văn T là quan hệ vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành; tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án và căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng :

Thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Nông Văn T không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nên Tòa án đã tiến hành giao nhận và niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh Nông Văn T theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung : Xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định chị Hoàng Thị B và anh Nông Văn T có được tìm hiểu tình cảm với nhau, có tổ chức lễ cưới, việc chị B và anh T chung sống với nhau như vợ chồng được gia đình hai bên chấp nhận, được hàng xóm, anh em bạn bè chứng kiến - thực sự có việc sống cùng nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình được coi nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng một cách tự nguyện từ năm 1997. Tuy nhiên chị B và anh T không đi đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng nhà ông Nông Văn Th (chú ruột của anh T) tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống hòa thuận hạnh phúc. Từ giữa năm 2019 tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp nhau, do anh T hay chửi, thậm chí dùng tay, chân đánh chị B phải báo đến thôn tố đến giải quyết khuyên giải, tuy nhiên chưa đến mức chị B phải đi bệnh viện. Ngoài ra anh T còn hay ghen tuông vô cớ nghi ngờ chị B đi chung sống với người đàn ông khác. Nên chị B và anh T đã chính thức sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thấy việc chị B và anh T đề nghị giải quyết việc ly hôn là có căn cứ. Tuy nhiên. Tại thời điểm tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1997, chị B và anh T không đi đăng ký kết hôn. Sau thời điểm đó từ ngày

01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 chị B và anh T không tiến hành việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn về việc đăng ký kết hôn của chị B và anh T. Qua xác minh xác định được từ thời điểm chị B và anh T tổ chức lễ cưới năm 1997 cho đến thời điểm chị B và anh T ly hôn tại Ủy ban nhân dân xã L có Sổ đăng ký kết hôn nhưng trong Sổ đăng ký kết hôn không có tên chị B, anh T. Kháng định cho đến thời điểm chị B, anh T xin ly hôn tại Ủy ban nhân dân xã L không có tài liệu lưu trữ nào phản ánh về việc chị B và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/QH10 thì không công nhận chị Hoàng B và anh Nông Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Xác định chị Hoàng Thị B và anh Nông Văn T có hai con chung là Nông Văn Th1, sinh ngày 19/7/1999 và Nông Thị Th2, sinh ngày 26/9/2002 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị B là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/QH10.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B xin ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Hoàng Thị B và anh Nông Văn T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Hai con chung là Nông Văn Th1, sinh ngày 19/7/1999 và Nông Thị Th2, sinh ngày 26/9/2002 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường. Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

[2]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị Bành phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị B đã nộp theo biên lai số 0000607 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị B đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn

